

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn;

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXX-ST ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại đội X phân trại Y, trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội.

(chị O, anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị O có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C), huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2018 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, năm 2020 anh B phạm tội và đi chấp hành án tại đội X phân trại Y, trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014, hiện 02 con chung đang ở cùng chị O. Ly hôn chị O đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị O làm công nhân tại công ty TNHH R địa chỉ: Số X, đường Đ, KĐT, huyện T, thành phố Hải Phòng thu nhập 1 tháng là 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Ngọc B thể hiện:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như chị Nguyễn Thị O trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, năm 2020 anh đi chấp hành án tại đội X phân trại Y, trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị O có đơn xin ly hôn thì anh B đồng ý ly hôn với chị O. Về con chung: Anh và chị O có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014, hiện 02 con chung đang ở cùng chị O. Ly hôn, anh B đề nghị giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Ngọc M trình bày:* Cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009 là con đẻ của chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Ngọc B. Hiện cháu M đang học lớp 8A trường trung học cơ sở xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nếu chị O, anh B ly hôn thì cháu M có nguyện vọng ở cùng chị Nguyễn Thị O.

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014 là con đẻ của chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Ngọc B. Hiện cháu Đ đang học lớp 3A2 trường tiểu học cơ sở xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nếu chị O, anh B ly hôn thì cháu Đ có nguyện vọng ở cùng chị Nguyễn Thị O.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn An Khoái, cán bộ tư pháp xã C, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và gia đình anh Nguyễn Ngọc B thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Ngọc B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C), huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng chị O và anh B có phát sinh mâu thuẫn hay không thì cơ sở thôn, gia đình anh B không nắm được. Năm 2020 anh B đi chấp hành án tại đội X phân trại Y, trại giam T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Nay chị O có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị O, anh B. Về con chung: Vợ chồng chị O, anh B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014 hiện đang ở cùng chị O, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Ngọc B là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã C, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O, anh B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị O, anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/10/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh B bị bắt và đi chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị O đề nghị ly hôn nhưng anh B cũng nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Ngọc B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014 hiện đang ở cùng chị O. Ly hôn chị O, anh B đều đề nghị giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu M, cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở cùng chị O. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị O là chính đáng, chị O có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi con 02 con chung Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Tiến Đ; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Ngọc B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Ngọc B.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 01/6/2009 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2014. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị O đã nộp theo Biên lai thu số 0004962 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã C, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh